

NIỀM TIN CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC

(Khảo sát tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

LUU HỒNG MINH*

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả phân tích về niềm tin của sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, dựa trên dữ liệu khảo sát từ năm 2018 đến 2025. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến niềm tin này, đồng thời đặt các phát hiện trong bối cảnh so sánh với các nghiên cứu xã hội học khác về niềm tin. Các phát hiện chính cho thấy sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền duy trì mức độ niềm tin cao và ổn định đối với Đảng và Nhà nước, vượt trội đáng kể so với nhiều nghiên cứu khác. Công tác phòng, chống tham nhũng được xác định là nhân tố mạnh mẽ nhất trong việc củng cố niềm tin, trong khi đó, các yếu tố nhân khẩu học không cho thấy tác động đáng kể. Bài viết cũng cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá hiệu quả lãnh đạo và quản lý, đồng thời đưa ra các khuyến nghị chính sách nhằm duy trì và tăng cường niềm tin xã hội trong tương lai.

Từ khóa: niềm tin xã hội, niềm tin của sinh viên, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Nhận bài: 30/10/2025

Gửi phản biện: 07/01/2026

Duyệt đăng: 28/4/2026

1. Đặt vấn đề

Niềm tin từ lâu đã được công nhận là một nguồn vốn xã hội thiết yếu, đóng vai trò là động lực quan trọng giúp một quốc gia vượt qua nhiều thách thức trong quá khứ và là sức mạnh, nguồn lực để phát triển bền vững trong tương lai. Đảng và Nhà nước Việt Nam đã không ngừng nỗ lực và quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân trong mọi giai đoạn cách mạng. Việc đánh giá niềm tin của người dân đối với Đảng là một nhiệm vụ trọng yếu đối với các nhà nghiên cứu xã hội học.

Mặc dù chủ đề niềm tin đã được nhiều nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau nghiên cứu rộng rãi, từ triết học, tôn giáo học, văn hóa học đến kinh tế học và tâm lý học, nhưng phương pháp và nội dung nghiên cứu về niềm tin chưa đạt được sự thống nhất. Đặc biệt, trong bối cảnh xã hội phát triển nhanh chóng, với sự gia tăng tương tác qua mạng xã hội và internet, việc hình thành niềm tin cá nhân trở nên phức tạp hơn. Thông tin không chính xác hoặc thông tin ảo có thể tạo ra những niềm tin khác biệt so với thể hệ trước.

* Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Nghiên cứu này góp phần lấp đầy khoảng trống đó bằng cách cung cấp dữ liệu định lượng và phân tích đa biến về niềm tin của sinh viên trong một bối cảnh chính trị-xã hội đặc thù, đồng thời đưa ra các so sánh quốc tế để làm rõ hơn các yếu tố tác động đến niềm tin trong một hệ thống chính trị nhất định.

2. Cơ sở lý thuyết

Để hiểu sâu sắc về niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, nghiên cứu đã xem xét các lý thuyết về niềm tin xã hội và niềm tin chính trị.

Khái niệm Niềm tin xã hội

Niềm tin xã hội là một chủ đề phức tạp, được nhiều học giả định nghĩa và thao tác hóa theo các cách khác nhau. Theo Nguyễn Đức Vinh (2022), "niềm tin xã hội là sự tổng hợp của các chủ thể trong xã hội đối với đối tượng cụ thể, có thể là cá nhân, tổ chức, định chế xã hội về khía cạnh được xã hội quan tâm". Khái niệm này nhấn mạnh tính tổng hợp và đối tượng cụ thể của niềm tin trong các tương tác xã hội.

Các nghiên cứu về niềm tin xã hội cần xác định rõ đối tượng của niềm tin tùy theo mục đích nghiên cứu, nhưng phải cụ thể và phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam. Các đối tượng này có thể bao gồm:

* Cá nhân: người trong gia đình, người quen biết, hàng xóm, bạn bè, đồng nghiệp, đối tác kinh tế, người không quen biết.

* Nhóm, tổ chức, thiết chế: thiết chế chính trị, kinh tế, truyền thông, giáo dục, khoa học, y tế, tôn giáo, các tổ chức xã hội, các tổ chức quốc tế, các nhóm xã hội quy ước.

Về các khía cạnh của niềm tin, Nguyễn Đức Vinh (2022) đã dựa trên tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước để phân loại thành sáu khía cạnh chính: 1) Năng lực; 2) Có thể dự đoán được; 3) Thiện chí; 4) Nhân từ; 5) Chân thực; và 6) Nguồn thông tin chính xác, khách quan.

Đặng Vũ Cảnh Linh (2023) đề cập đến các yếu tố tạo nên niềm tin, bao gồm: niềm tin là một trạng thái đặc biệt của tình cảm, tâm lý; là hệ quả của quá trình tương tác xã hội; là cơ sở của hành vi cá nhân; và là một giá trị. Nghiên cứu của Nguyễn Quý Thanh và Nguyễn Thị Khánh Hòa (2013) cũng xác định lòng tin xã hội là hệ quả của tương tác giữa con người, với năm nhóm thành tố chính: lòng tin với thành viên gia đình trực tiếp, lòng tin với thành viên ngoài gia đình trực tiếp, lòng tin với công chức/viên chức, lòng tin với thiết chế truyền thông đại chúng, và lòng tin với nhóm/giai tầng xã hội.

Trong bối cảnh Việt Nam, niềm tin của sinh viên vào Đảng và Nhà nước có thể được hiểu không chỉ qua lăng kính hiệu quả thực thi chính sách mà còn thông qua một cảm nhận sâu sắc hơn về sự gắn kết tập thể và các giá trị chung. Các định nghĩa về niềm tin xã hội trong bối cảnh Việt Nam thường nhấn mạnh sự tổng hợp của các chủ thể đối với đối tượng và hình thành qua quá trình tương tác. Điều này gợi ý một cách tiếp cận niềm tin mang tính tập thể và quan hệ nhiều hơn so với các định nghĩa của phương Tây - với cách tiếp cận thường tập trung vào cá nhân và hiệu suất. Khi sinh viên Việt Nam bày tỏ niềm tin cao vào Đảng và Nhà nước, điều này có thể xuất phát không chỉ từ những thành tựu thực tế (ví dụ:

công tác phòng, chống tham nhũng) mà còn từ một ý thức sâu sắc về bản sắc tập thể được cấy ghép về mặt văn hóa, từ các giá trị chung được chia sẻ, và từ việc coi Đảng/Nhà nước như một nhóm/tổ chức xã hội có tính chất dẫn dắt xã hội. Điều này phù hợp với các nghiên cứu khác về Việt Nam, cho thấy mức độ "vốn xã hội gắn kết" cao, nơi người Việt có xu hướng đặt niềm tin cao vào một nhóm nhỏ những người quen biết và có mối quan hệ chặt chẽ. Từ đó, niềm tin đối với Đảng và Nhà nước như một thực thể tập thể, củng cố niềm tin dựa trên các giá trị và mục tiêu chung, vượt ra ngoài các đánh giá hiệu suất thuần túy.

Khái niệm niềm tin chính trị

Niềm tin chính trị được định nghĩa rộng rãi là “những đánh giá tích cực của công dân đối với các thể chế và đại diện chính trị, dựa trên các thuộc tính như năng lực, uy tín, sự công bằng và minh bạch” (Van der Meer, (2007). Khái niệm này bao gồm cả thái độ, nhận thức và cảm xúc, tích hợp kiến thức, kỳ vọng, nhận thức về rủi ro và lợi ích của công dân liên quan đến các thể chế chính trị. Theo Nguyễn Hoàng Việt (2021), “Niềm tin chính trị thể hiện sự tin tưởng, kỳ vọng của người dân vào một hệ thống chính trị, một đảng phái, hoặc một nhà lãnh đạo cụ thể, dựa trên đánh giá của họ về đường lối, chủ trương, hành động và uy tín của các chủ thể chính trị đó”. Đó là niềm tin vào khả năng của hệ thống chính trị trong việc giải quyết các vấn đề của đất nước, mang lại cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân, và nâng cao hơn niềm tin vào sự lãnh đạo của các nhà lãnh đạo chính trị, tin tưởng vào tính hợp pháp, công bằng và hiệu quả của hệ thống chính trị, các thể chế nhà nước và quy trình chính trị. Ngoài ra, người dân có thể tin tưởng vào một đảng phái chính trị nhất định, dựa trên sự đánh giá của họ về đường lối, chính sách, và quá trình thực hiện của đảng đó. Người dân cũng có thể có niềm tin vào nhà lãnh đạo chính trị, xuất phát từ sự tin tưởng vào khả năng lãnh đạo, phẩm chất đạo đức, và sự tận tâm của người đó đối với lợi ích của người dân.

Niềm tin chính trị bắt nguồn từ những thành tựu và bài học kinh nghiệm trong quá khứ, qua đó ảnh hưởng đến niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị và các nhà lãnh đạo. Đồng thời, việc người dân trải nghiệm những thay đổi tích cực trong đời sống kinh tế, xã hội và chính trị cũng góp phần củng cố niềm tin của họ. Đặc biệt, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục chính trị có thể tác động đến nhận thức của người dân, từ đó ảnh hưởng đến niềm tin chính trị. Bên cạnh đó, uy tín và phẩm chất của các nhà lãnh đạo chính trị có vai trò quan trọng trong việc hình thành và duy trì niềm tin của người dân.

Niềm tin chính trị là một yếu tố quan trọng trong chính trị, có thể ảnh hưởng đến sự ổn định và phát triển của một quốc gia, bởi khi người dân có niềm tin vào hệ thống chính trị, họ có xu hướng ủng hộ và hợp tác với chính quyền, góp phần vào sự ổn định của đất nước. Niềm tin chính trị có thể khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động chính trị, như bầu cử, và đóng góp ý kiến xây dựng chính sách. Khi người dân tin tưởng vào tương lai của đất nước, họ có động lực để làm việc chăm chỉ, đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội. Khi công dân nhận thấy các cơ quan công quyền công bằng, hiệu quả trong việc cung cấp các kết quả mong đợi, họ có xu hướng tin tưởng hơn vào các thể chế chính trị. Điều này cho thấy niềm tin chính trị không chỉ là một trạng thái cảm xúc mà còn là một

đánh giá dựa trên lý trí về khả năng của Đảng và Chính phủ trong việc đáp ứng nhu cầu và kỳ vọng của người dân.

Theo khảo sát của Đoàn Triệu Long và Nguyễn Văn Quang (2020), 42,4% người dân rất tin tưởng và 35,2% tin tưởng vào vai trò lãnh đạo của Đảng; trong khi chỉ 2,3% không tin tưởng và 3,1% rất không tin tưởng. Về niềm tin vào tính ổn định chính trị, có 50,8% tin tưởng và 24,8% rất tin tưởng, trong khi chưa đến 5% thể hiện sự thiếu tin tưởng. Niềm tin vào công tác chống tham nhũng đạt mức khá cao với 51% tin tưởng và 13,1% rất tin tưởng. Đặc biệt, tỷ lệ tin tưởng vào sự phát triển kinh tế đất nước chiếm tới 58,9% (tin tưởng) và 23,3% (rất tin tưởng). So với 5 năm trước, phần lớn người dân đánh giá các lĩnh vực chính trị-xã hội có chuyển biến tích cực: về hệ thống chính trị, 26,4% đánh giá tốt lên nhiều, 57,8% tốt lên tương đối; ở lĩnh vực quốc phòng, các tỷ lệ này lần lượt là 25,6% và 50,4%; ở lĩnh vực ngoại giao là 32,9% và 54,1%; trong khi đó ở lĩnh vực cải cách hành chính là 17,2% và 61,5%. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra những vấn đề đáng lưu ý như sự xuất hiện của các điểm nóng chính trị-xã hội, phản ứng tiêu cực của người dân ở một số địa phương, cùng với các hiện tượng tiêu cực như chạy chức, tham nhũng, lãng phí,... đang làm suy giảm niềm tin trong một bộ phận dân cư.

Trên cơ sở các nội dung nghiên cứu của đề tài trong các chỉ báo về niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đề tài cũng vận dụng nghiên cứu mối quan hệ giữa niềm tin của sinh viên với hoạt động phòng chống tham nhũng, tinh giản bộ máy quản lý của Nhà nước và bổ sung thêm sự lãnh đạo của Tổng bí thư có mối quan hệ như thế nào với niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Trên cơ sở tổng quan các khái niệm về niềm tin nói chung và các nghiên cứu về lĩnh vực này, nghiên cứu về niềm tin của sinh viên tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền về nhiều chủ thể và khía cạnh khác nhau của xã hội được đưa vào 37 biến quan sát, từ các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam và niềm tin vào Nhà trường đến các bạn sinh viên trong lớp học (được gán nhãn mã NT). Các giá trị niềm tin được nghiên cứu từ năm 2018 đến năm 2025 với thang 11 bậc từ 0 đến 10 điểm, trong đó có niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Các giá trị niềm tin này dựa trên sự đánh giá chủ quan của mỗi sinh viên thông qua nhận thức và trải nghiệm thực tế, có so sánh với các sự kiện và chủ thể khác nhau (những đánh giá của sinh viên đối với các thể chế và đại diện chính trị, dựa trên các thuộc tính như năng lực, uy tín, sự công bằng và minh bạch chưa được đưa vào nghiên cứu do có quá nhiều chỉ báo đánh giá về niềm tin). Ngoài cách đo lường về niềm tin của sinh viên với sự kiện và chủ thể có tính chất ổn định trong xã hội, nghiên cứu còn đưa ra nhiều sự kiện gắn với các chủ thể xã hội nhất định được bình chọn trên báo chí trong năm (trước năm nghiên cứu) và thông qua thảo luận nhóm để lựa chọn đưa vào bảng hỏi (được gán nhãn mã DG) với thang đo 5 bậc từ 1-5 điểm.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thiết kế để cung cấp một cái nhìn toàn diện về niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp định tính và định lượng.

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp phỏng vấn sâu (định tính) và khảo sát bằng bảng hỏi quy mô lớn (định lượng). *Phương pháp định tính* được sử dụng để khám phá các khía cạnh sâu sắc của niềm tin và thông tin các biến số cho bảng hỏi định lượng, trong khi phương pháp định lượng cho phép đo lường và phân tích các yếu tố ảnh hưởng trên một mẫu lớn, đảm bảo tính đại diện và khả năng khái quát hóa. Các phương pháp thu thập thông tin định tính bao gồm: 1) Phân tích các tài liệu từ nguồn báo chí, gồm báo in (Nhân dân, Hà Nội mới,...), báo mạng (VnExpress, Dân trí, Báo thanh niên, Vietnamnet, Kinh tế và Đô thị, Tiền Phong, Tuổi trẻ,...), báo phát thanh (VOV,...) và truyền hình (VTV1, VTC,...) và Facebook, Youtube, đặc biệt các bài viết về 10 sự kiện Việt Nam và Quốc tế nổi bật trong năm 2023 đã được các tờ báo bình chọn; 2) Phỏng vấn sâu 40-50 sinh viên năm cuối của Học viện Báo chí và Tuyên truyền, chủ yếu là sinh viên xã hội học, nhằm xác định lại các sự kiện nổi bật trong năm trên thế giới và Việt Nam, cũng như các sự kiện liên quan đến đào tạo tại Nhà trường; 3) Chia sinh viên xã hội học đang học năm cuối thành 5 nhóm thảo luận để lựa chọn các sự kiện có ảnh hưởng nhiều nhất đến sinh viên hiện nay theo từng nhóm sự kiện: kinh tế, chính trị, xã hội trên thế giới và Việt Nam. Tương tự các sự kiện liên quan đến đào tạo của nhà trường cũng được lựa chọn và đưa vào bảng hỏi định lượng. Thông thường, từ 30-50 sự kiện qua nghiên cứu tài liệu sẽ được lựa chọn, và 10 sự kiện được đưa vào từng nhóm vấn đề để sinh viên đánh giá.

Phương pháp chọn mẫu chùm được áp dụng cho *nghiên cứu định lượng*, với chùm là các lớp có sinh viên đang tham gia chương trình đào tạo chính quy theo tín chỉ tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Danh sách chọn mẫu là danh sách các lớp học theo tín chỉ được Ban Đào tạo công bố trong học kỳ 2 hàng năm. Nghiên cứu dựa vào danh sách này để chọn theo hệ thống các lớp cần đến thu thập thông tin từ sinh viên. Đối với mỗi lớp học, những sinh viên nào đồng ý trả lời sẽ được phát bảng hỏi vào giờ giải lao hoặc cuối giờ học (theo sự cho phép của giảng viên đứng lớp). Việc các lớp được lựa chọn ngẫu nhiên theo danh sách hàng năm có thể dẫn đến tình trạng một số sinh viên đã được phỏng vấn năm trước nhưng năm sau vẫn được lựa chọn nghiên cứu, tuy nhiên, sau 1 năm học các đánh giá vẫn có thể khác lần trước và số lượng cũng không nhiều.

3.2. Lấy mẫu và khách thể nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu năm 2025: theo dự định chọn ngẫu nhiên hệ thống 50 lớp từ danh sách 1046 lớp tín chỉ do Ban Đào tạo và Bồi dưỡng công bố, mỗi lớp chọn ngẫu nhiên 20 sinh viên, tổng cộng số lượng mẫu khoảng 1000 sinh viên. Nhưng thực tế mẫu nghiên cứu là 920 sinh viên thuộc 48 lớp học (do có 2 lớp đi thực địa trong thời gian phỏng vấn và một số sinh viên không đồng ý trả lời). Cơ cấu mẫu phân bố như sau: sinh viên năm thứ tư chiếm 26,1%; sinh viên năm thứ ba 25,0%; sinh viên năm thứ nhất 30,5% và năm thứ hai 18,4%. So sánh với số liệu sinh viên do Ban Đào tạo và Bồi dưỡng Học viện Báo chí và Tuyên truyền cung cấp, tỷ lệ sinh viên năm thứ tư là 23,6%, sinh viên năm thứ ba 24,0%, sinh viên năm thứ nhất 24,8% và năm thứ hai 27,5%. Số lượng sinh viên theo từng năm học là khá lớn, dao động từ 169 đến 280 sinh viên (cao hơn 30 khá nhiều) tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai khá chênh lệch với số liệu thực tế.

* Giới tính: 64,6% là nữ và 35,4% là nam

* Ngành học: Khối lý luận chiếm 41,2%, khối nghiệp vụ chiếm 58,8%.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

* Phỏng vấn sâu: Hàng năm, từ 40-50 sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền được phỏng vấn sâu trong giai đoạn từ năm 2018 đến 2025. Dữ liệu định tính này đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng bảng hỏi định lượng và cung cấp bối cảnh sâu sắc cho việc diễn giải các kết quả thống kê.

* Khảo sát bằng bảng hỏi: Khảo sát định lượng được thực hiện trên diện rộng trong giai đoạn 8 năm (từ 2018 đến 2025), với số lượng mẫu từ gần 150 sinh viên trong 2 năm đầu thử nghiệm và từ 500 đến gần 1000 sinh viên mỗi năm sau và với trên 200 biến quan sát. Cụ thể, năm 2018 (khóa 34): 143 sinh viên; năm 2019 (khóa 35): 159 sinh viên; năm 2020 (khóa 36): 690 sinh viên; năm 2021 (khóa 37): 720 sinh viên; năm 2022 (khóa 38): 563 sinh viên; năm 2023 (khóa 39): 683 sinh viên; năm 2024 (khóa 40): 734 sinh viên; năm 2025 (khóa 41): 920 sinh viên.

* Xây dựng bảng hỏi: Bảng hỏi được xây dựng dựa trên sự trao đổi giữa giảng viên và sinh viên năm cuối Khoa Xã hội học và Phát triển.

* Biến quan sát cố định và biến sự kiện: Có 37 biến quan sát về niềm tin của sinh viên được hỏi cố định không thay đổi qua các năm, cho phép đánh giá xu hướng theo thời gian. Các biến số còn lại đánh giá các sự kiện nổi bật trong năm trên thế giới, Việt Nam và các vấn đề liên quan đến học tập của sinh viên tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền (một số biến vẫn có thể tiếp tục được lựa chọn và sử dụng trong các năm tiếp theo).

3.4. Thang đo và phương pháp phân tích dữ liệu

* Thang đo:

* Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước được đo trên thang 11 bậc từ 0-10 điểm (ban đầu từ 0-9 điểm, sau đó quy chiếu về 0-10 điểm để so sánh quốc tế).

* Các hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm DG1, DG2, DG3, DG 4, DG5, được đánh giá trên thang đo từ 1 đến 5 điểm.

* Niềm tin vào các hoạt động của Đảng NT1, NT2, NT3 được đo trên thang 10 điểm (từ 0-10).

* Phân tích dữ liệu: Phần mềm thống kê SPSS25 được sử dụng để xử lý và phân tích dữ liệu. Các phương pháp phân tích bao gồm:

* Phân tích tương quan Pearson: Để đánh giá mối quan hệ giữa các biến, bao gồm các yếu tố nhân khẩu học và niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, cũng như các yếu tố khác liên quan đến các hoạt động của Đảng.

* Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Để đánh giá mức độ tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc (“Niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước hiện tại”). Mức ý nghĩa thống kê của kiểm định F (Sig. $F < 0.05$) được sử dụng để xác định sự phù hợp của mô hình hồi quy.

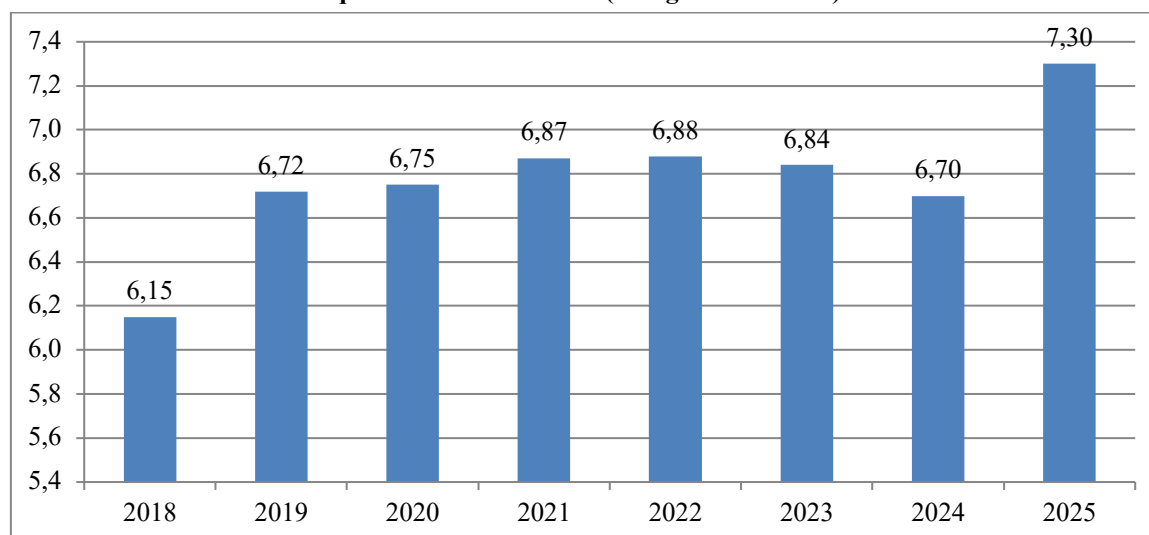
* Kiểm tra đa cộng tuyến: Sử dụng các chỉ số Tolerance và VIF (Variance Inflation Factor) để đảm bảo tính hợp lệ của mô hình hồi quy ($VIF < 10$).

4. Kết quả phân tích

4.1. Xu hướng niềm tin của sinh viên vào Đảng và Nhà nước theo thời gian (2018-2025)

Kết quả nghiên cứu qua các năm cho thấy niềm tin của sinh viên đối với Đảng và Nhà nước duy trì ở mức khá cao, dao động từ 6,15 đến 7,30 trên thang đo 0-10 điểm. Đáng chú ý, sau năm 2018 (phản ánh các vấn đề xã hội năm 2017), chỉ số niềm tin có xu hướng tăng dần và ổn định ở mức cao hơn, từ 6,72 đến 7,30 trong các năm tiếp theo. Có 2 mốc ghi nhận sự gia tăng niềm tin của sinh viên đối với Đảng và Nhà nước là giai đoạn đầu và cuối trong khoảng từ 2018-2025 (tăng được gần 0,5 điểm). Sự gia tăng đầu giai đoạn được cho là có liên quan đến việc Đảng và Nhà nước đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng một cách quyết liệt với khẩu hiệu "không có vùng cấm" sau Đại hội Đảng XII. Thực tế, chỉ số CPI của Việt Nam năm 2019 đã tăng 4 điểm so với năm 2018, đạt 37/100 điểm và tăng 21 bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu, cho thấy những kết quả tích cực trong công tác này đã góp phần củng cố lòng tin của nhân dân, trong đó có sinh viên. Đặc biệt, trong giai đoạn từ năm 2024 đến đầu năm 2025, nhiều sự kiện liên quan đến công tác nhân sự chuẩn bị cho Đại hội Đảng XIV và sự đổi mới cơ bản về quản lý Nhà nước cũng góp phần giúp niềm tin của sinh viên gia tăng đột biến (tăng được 0,5 điểm).

Biểu đồ 1. Niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước qua các năm 2018-2025 (thang đo 0-10 điểm)



Nguồn: Số liệu khảo sát sinh viên Khoa Xã hội học và Phát triển từ 2018-2025.

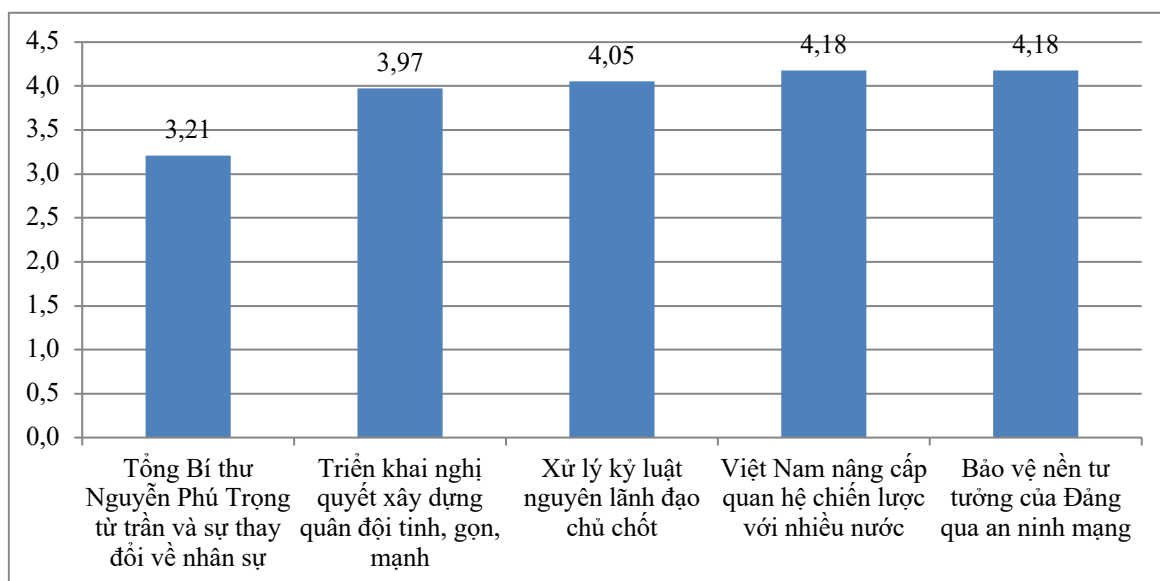
Phân tích các yếu tố nhân khẩu học như giới tính, ngành học, năm học, học lực và nơi cư trú trước khi học đại học không cho thấy có liên quan đáng kể đến niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Điều này cho thấy niềm tin vào Đảng và Nhà nước trong nhóm sinh viên có tính đồng nhất cao. Sự đồng nhất này có thể được giải thích bởi ảnh hưởng mạnh mẽ và phổ quát của các thông điệp quốc gia, giáo dục chính trị (đặc biệt tại một trường Đảng và truyền thông), hoặc những trải nghiệm chung đã định hình

nhận thức của sinh viên về Đảng và Nhà nước. Điều này có lẽ là do các yếu tố thúc đẩy niềm tin có thể chủ yếu là các yếu tố vĩ mô (ví dụ: Quản trị quốc gia, các chiến dịch chống tham nhũng) thay vì các đặc điểm cá nhân.

4.2. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến niềm tin của sinh viên

Phần này phân tích các yếu tố khác ngoài đặc điểm nhân khẩu học, đặc biệt là các hoạt động lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, ảnh hưởng đến niềm tin của sinh viên.

Biểu đồ 2. Điểm trung bình đánh giá các hoạt động lãnh đạo của Đảng năm 2025 (1-5 điểm)

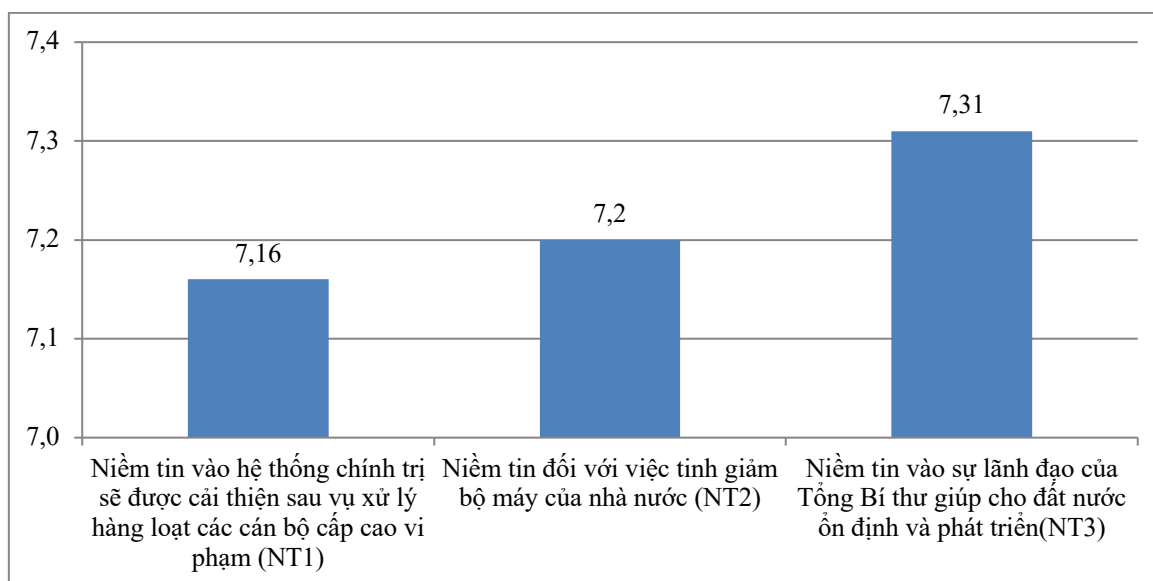


Nguồn: Số liệu khảo sát sinh viên Khoa Xã hội học và Phát triển năm 2025.

Năm 2025, biến số “Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần và sự thay đổi về nhân sự” (DG1) có hệ số tương quan Pearson= -0,166, Sig=0,000; biến số “Triển khai nghị quyết xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh” (DG2) có hệ số tương quan Pearson= 0,243, Sig=0,000; biến số “Xử lý kỷ luật nguyên lãnh đạo chủ chốt” (DG3) có hệ số tương quan Pearson= 0,181, Sig=0,000; biến số “Việt Nam nâng cấp quan hệ chiến lược với nhiều nước” (DG4) có hệ số tương quan Pearson= 0,328, Sig=0,000; biến số “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng qua an ninh mạng” (DG5) có hệ số tương quan Pearson= 0,304, Sig=0,000.

Các kết quả phân tích tương quan Pearson giữa các biến số dự định phân tích đa biến với biến thuộc về niềm tin của sinh viên đối với Đảng và Nhà nước đều có mức ý nghĩa đạt Sig=0,000, do vậy có thể tiến hành phân tích hồi quy được.

Năm 2025 biến số “Niềm tin vào hệ thống chính trị sẽ được cải thiện sau vụ xử lý hàng loạt các cán bộ cấp cao vi phạm” vẫn được sử dụng trong năm 2025. Ngược lại, biến số “Niềm tin vào tình trạng tham nhũng ngày càng giảm sau vụ án Trịnh Xuân Thanh bị truy tố” bị loại do sự kiện đã xảy ra khá lâu. Hai biến số mới được lựa chọn đưa vào nghiên cứu năm 2025 và dự định sẽ đưa vào nghiên cứu các năm tiếp theo là: “Niềm tin đối với việc tinh giảm bộ máy của nhà nước” (NT2) và “Niềm tin vào sự lãnh đạo của Tổng Bí thư giúp cho đất nước ổn định và phát triển” (NT3). Kết quả nghiên cứu năm 2025 cho thấy các biến số này đều có giá trị tăng cao hơn năm 2024 trên 0,5 điểm.

Biểu đồ 3. Niềm tin đối với các hoạt động phòng, chống tham nhũng năm 2025 (thang đo 0-10)

Nguồn: Số liệu khảo sát sinh viên Khoa Xã hội học và Phát triển năm 2025.

4.3. Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến dựa trên các dữ liệu nghiên cứu định lượng 2025: Kết quả hồi quy tuyến tính cho thấy mô hình phù hợp mạnh mẽ (Sig. F=0,000, R-squared=0,839, Adjusted R-squared=0,837, Durbin-Watson=1,877). Giá trị R-squared đặc biệt cao (0,839) cho thấy các biến độc lập được chọn giải thích một tỷ lệ rất lớn (83,9%) phương sai trong niềm tin của sinh viên. Điều đó cho thấy mô hình này có sức mạnh giải thích cao và các yếu tố được xác định thực sự là động lực chính của niềm tin sinh viên đối với Đảng và Nhà nước. Giá trị R-squared là 0,839 là rất cao (chỉ thấp hơn rất ít so với năm 2024) đối với nghiên cứu khoa học xã hội, nơi các mô hình thường chỉ giải thích một tỷ lệ phương sai nhỏ hơn nhiều. Điều này cho thấy rằng nghiên cứu đã xác định thành công các cơ chế cốt lõi ảnh hưởng đến niềm tin của sinh viên trong bối cảnh hiện nay, làm cho các phát hiện có độ tin cậy cao và có tác động lớn (xem Phụ lục).

Các yếu tố dự báo có ý nghĩa thống kê (Sig < 0,05) bao gồm: NT3 (Beta=0,387, tác động tích cực mạnh nhất), tiếp đó NT1 (Beta=0,376, tác động tích cực mạnh thứ hai), NT2 (Beta=0,144, tích cực), DG5 (Beta=0,052, tích cực), DG1 (Beta= -0,037, tiêu cực). Các yếu tố không có ý nghĩa thống kê là DG2 (xây dựng quân đội) và DG3 (Xử lý kỷ luật) và DG4 (nâng cấp quan hệ ngoại giao).

Phương trình hồi quy là: $NT25 = 0,244 + 0,389 NT1 + 0,150 NT2 + 0,395 NT3 - 0,079 DG1 + 0,158 DG5$. Phân tích hồi quy đối với dữ liệu 2025 cũng xác nhận lại sự không có ý nghĩa của các yếu tố nhân khẩu học.

Kết quả hồi quy cho thấy DG2, DG3 và DG4 không có ý nghĩa thống kê dù có tương quan đơn biến thuận chiều. Điều này phản ánh một thực tế xã hội học: các hoạt động xây dựng quân đội, ngoại giao hay xử lý kỷ luật dù là nền tảng quản trị nhưng thường có độ trễ về mặt cảm nhận. Trong khi đó, các yếu tố bảo vệ nền tảng tư tưởng trên không gian mạng và các sự kiện chính trị mang tính biểu tượng đặc biệt lại đóng vai trò là những “điểm

chạm” nhận thức trực tiếp, có khả năng giải thích biến thiên niềm tin của sinh viên mạnh mẽ hơn. Kết quả này cho thấy:

Thứ nhất, việc tiếp tục phòng, chống tham nhũng thông qua hoạt động xử lý kỷ luật nguyên lãnh đạo chủ chốt (DG2) đã không còn tác động mạnh mẽ đến niềm tin của sinh viên đối với Đảng và Nhà nước như các năm trước (qua phân tích hồi quy từ năm 2018-2025). Phân tích đối với biến số “Niềm tin vào hệ thống chính trị sẽ được cải thiện sau vụ xử lý hàng loạt các cán bộ cấp cao vi phạm” (NT1) cũng có hệ số tương quan tỷ lệ thuận giảm từ 0,647 năm 2024 xuống còn 0,376 năm 2025.

Thứ hai, việc các sinh viên thông qua phân tích tài liệu và thảo luận đã đưa thêm biến số “Niềm tin đối với việc tinh giảm bộ máy của nhà nước” (NT2) để đánh giá có ảnh hưởng như thế nào đến niềm tin đối với Đảng và Nhà nước đã được kiểm định là đúng. Dựa trên phân tích tương quan và mô hình hồi quy cho thấy đây là mối quan hệ chặt và tỷ lệ thuận mặc dù hệ số tương quan chỉ đạt mức trung bình thấp (0,144).

Thứ ba, nghiên cứu năm 2025 cũng đưa thêm biến số NT3 - “Niềm tin vào sự lãnh đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm giúp cho đất nước ổn định và phát triển” có hệ số tương quan Pearson cao nhất so với các biến số khác (0,892) và hệ số tương quan hồi quy cũng đạt mức tương quan tỷ lệ thuận cao (0,387). Các dữ liệu này có thể phần nào cho thấy các hoạt động của Đảng và đặc biệt vai trò của Tổng Bí Thư Tô Lâm trong hơn một năm qua về những nỗ lực tinh gọn bộ máy hiện tại, hoàn thiện thể chế, xây dựng Chính phủ điện tử, cải cách thủ tục hành chính,... đã được người dân, đặc biệt là thanh niên, sinh viên đánh giá cao.

Mở rộng phân tích hồi quy đa biến qua dữ liệu điều tra từ năm 2018-2025 giữa hai nhóm biến số DG và NT cho thấy các biến số DG thường ảnh hưởng yếu hoặc không tác động đến niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Ví dụ, năm 2024, nghiên cứu đã lựa chọn 9 biến DG nhưng chỉ có 3 biến số có tương quan với hệ số hồi quy thấp (dưới 0,06), trong khi đó các biến số về niềm tin (NT) luôn có đủ điều kiện để phân tích hồi quy với hệ số cao (> 0,25) thậm chí trên 0,5 (đạt 0,647 năm 2024).

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ số niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong nhiều năm qua đều đạt mức rất cao. Niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng tăng dần trong những năm gần đây, đạt mức độ từ 6,72 đến 7,30 và cao hơn đáng kể so với chỉ số niềm tin xã hội chung của sinh viên là 6,46 (năm 2024) và 6,75 (năm 2025). Chỉ số này cũng cao hơn so với kết quả nghiên cứu về lòng tin nói chung của người Việt Nam vào năm 2013 (Nguyễn Quý Thanh và Nguyễn Thị Khánh Hòa, 2013). Điều này chứng tỏ sinh viên của Học viện Báo chí và Tuyên truyền xứng đáng với vị thế của một trường trọng điểm quốc gia, đồng thời luôn được xã hội đánh giá là cơ sở đào tạo hàng đầu của cả nước về lĩnh vực lý luận Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, và cán bộ tư tưởng-văn hóa, báo chí-truyền thông của Đảng và Nhà nước.

Niềm tin của sinh viên vào công tác phòng, chống tham nhũng có vai trò quan trọng trong việc tạo dựng lòng tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Sinh viên Học viện Báo chí và Tuyên truyền nói riêng và sinh viên các trường đại học ở Việt Nam nói chung đã có được niềm tin khá cao vào sự lãnh đạo của Đảng. Dù từng đánh giá thấp việc cải cách bộ máy trước năm 2024, niềm tin của sinh viên đã tăng trở lại vào năm 2025 nhờ chủ trương

đổi mới phù hợp. Trong tương lai, sức lan tỏa của chính sách này có thể lấn át cả tầm ảnh hưởng từ hoạt động phòng, chống tham nhũng.

Nghiên cứu này gợi mở rằng nhiều trường đại học trên cả nước cần thực hiện các nghiên cứu về niềm tin của sinh viên đối với xã hội nói chung và với Đảng Nhà nước nói riêng nhằm đánh giá nguồn vốn xã hội trong tương lai của đất nước, nhưng cần có những hướng nghiên cứu cụ thể hơn. Các nghiên cứu dọc tiếp theo cũng có thể theo dõi tác động của việc triển khai các chính sách cụ thể theo thời gian.

Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tiếp tục và tăng cường các nỗ lực phòng, chống tham nhũng như là chiến lược hiệu quả nhất để xây dựng và duy trì niềm tin trong giới sinh viên. Đảng và Nhà nước có thể cần tăng cường các chiến lược truyền thông, thể hiện những lợi ích hữu hình hơn của các cải cách này, hoặc giải quyết những thiếu sót được nhận thấy trong việc thực hiện để chuyển đổi những đánh giá tích cực về bản thân chính sách thành niềm tin tổng thể cao hơn vào sự lãnh đạo. Ngoài ra, để củng cố niềm tin của sinh viên, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các giải pháp về thể chế, chính sách, thực thi và truyền thông. Việc tận dụng niềm tin mạnh mẽ của công chúng được tạo ra từ các chiến dịch chống tham nhũng để củng cố niềm tin vào các lĩnh vực quản trị khác là rất quan trọng. Việc phát triển các chiến lược truyền thông minh bạch và có mục tiêu để làm nổi bật tác động và lợi ích của các cải cách hành chính và sáng kiến chính phủ điện tử, đảm bảo rằng những tác động tích cực của chúng được giới trẻ hiểu rõ ràng, là điều cần thiết. Việc nhấn mạnh tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tất cả các khía cạnh quản trị sẽ liên tục củng cố niềm tin.

Các phát hiện của nghiên cứu về niềm tin của sinh viên, đặc biệt trong số các cán bộ tương lai, có ý nghĩa sâu sắc và lâu dài đối với sự ổn định chính trị và phát triển quốc gia ở Việt Nam. Mức độ niềm tin cao trong nhóm dân số này đại diện cho một "vốn xã hội" đáng kể cho Đảng và Nhà nước. Việc duy trì và củng cố niềm tin này là rất quan trọng để đảm bảo sự ủng hộ liên tục đối với các chính sách quốc gia, thúc đẩy sự gắn kết xã hội và tạo điều kiện cho việc thực hiện thành công các chiến lược phát triển trong tương lai. Điều này nâng tầm các phát hiện của nghiên cứu lên cấp độ chiến lược quốc gia, nhấn mạnh đóng góp rộng lớn hơn của nó vượt ra ngoài sự tò mò học thuật. Nghiên cứu niềm tin của sinh viên qua các năm cũng cho thấy, các biến số lựa chọn dựa trên các sự kiện nổi bật trong một năm (thuận tụy nghiên cứu định tính) thường tác động yếu hoặc không có tác động đến niềm tin vào Đảng và Nhà nước so với nhóm các biến số về niềm tin được nghiên cứu ổn định, khái quát qua các năm.

Tài liệu tham khảo

- Học viện Báo chí và Tuyên truyền. (2025). Lịch sử hình thành và phát triển. <https://ajc.edu.vn/lich-su-hinh-thanh-va-phat-trien-13347.htm>. Truy cập 20/04/2025
- Van der Meer, T.W. (2007). Political Trust and the "Crisis of Democracy". In *Oxford Research Encyclopedia of Politics*, <https://academic.oup.com/edited-volume/62239/chapter-abstract/> truy cập 5/4/2026
- Nguyễn Hoàng Việt. (2021). Giữ vững niềm tin chính trị của nhân dân với Đảng, *Tạp chí Công sản điện tử* ngày 5/12/2021. <https://tapchicongsan.org.vn/giai-bua-liem-vang/-/2018/824426/>. Truy cập 5/4/2026
- Đoàn Triệu Long, Nguyễn Văn Quang. (2020). Phân tích và đánh giá niềm tin chính trị của người dân tại khu vực Trung Bộ. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 62(4), tháng 4 năm 2020.

Đặng Vũ Cảnh Linh. (2023). Niềm tin trong một thế giới đang biến đổi - Một phân tích xã hội học về nhận thức và hành vi của sinh viên hiện nay. <https://hanvulinh.vn/2023/09/11/niem-tin-trong-mot-the-gioi-dang-bien-doi-mot-phan-tich-xa-hoi-hoc-ve-nhan-thuc-va-hanh-vi-cua-sinh-vien-hien-nay>. Truy cập ngày 18/04/2025

Lưu Hồng Minh. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên về học tập tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông bản điện tử*, 11/2024

Nguyễn Đức Vinh. 2022. Thao tác hóa khái niệm niềm tin xã hội trong khảo sát xã hội học. *Tạp chí Xã hội học* số 3 (159), 2022, tr 83, tr 79-90.

Nguyễn Quý Thanh và Nguyễn Thị Khánh Hòa. (2013). Các thành tố và quan hệ giữa chúng trong lòng tinh xã hội của người Việt Nam, *Tạp chí Xã hội học* số 4(124). tr 89-102

Phụ lục: Kết quả hồi quy tuyến tính của các biến với biến phụ thuộc
(Niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng và nhà nước hiện tại) năm 2025

Nhân tố	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Giá trị t	Sig	Thống kê cộng tuyến	
	B	Sai số chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	0,244	0,114		2,134	0,033		
NT1- Niềm tin vào hệ thống chính trị sẽ được cải thiện sau vụ xử lý hàng loạt các cán bộ cấp cao vi phạm	0,389	0,038	0,376	10,344	0,000	0,234	7,446
NT2- Niềm tin đối với việc tinh giảm bộ máy của nhà nước	0,150	0,037	0,144	4,020	0,000	0,139	7,216
NT3-Niềm tin vào sự lãnh đạo của Tổng Bí thư giúp cho đất nước ổn định và phát triển	0,395	0,039	0,387	10,147	0,000	0,122	8,230
DG1- Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng từ trần và sự thay đổi về nhân sự	-0,079	0,029	-0,037	-2,690	0,007	0,960	1,041
DG2- Triển khai nghị quyết xây dựng quân đội tinh, gọn, mạnh	-0,026	0,049	-0,008	-0,522	0,602	0,697	1,435
DG3- Xử lý kỷ luật nguyên lãnh đạo chủ chốt	0,077	0,054	0,026	1,430	0,130	0,539	1,855
DG4- Việt Nam nâng cấp quan hệ chiến lược với nhiều nước	0,072	0,048	0,024	1,493	0,136	0,683	1,464
DG5- Bảo vệ nền tảng của Đảng qua an ninh mạng	0,158	0,052	0,052	3,026	0,003	0,596	1,678
Sig. F							0,000
Hệ số R ²							0,836
Hệ số R ² hiệu chỉnh							0,837
Hệ số Durbin-Watson							1,877

Nguồn: Số liệu khảo sát sinh viên Khoa Xã hội học và Phát triển năm 2025.